

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 44

10/11
RT
1/11

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cùn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nằng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Đình Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên	
Bà Lê Thị Tinh	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

001
TY
+
YOU
+AM
ÁNH
CỘI
-T-

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017

Số tham chiếu: 61060845/19019183-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty"), được lập ngày 13 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 13 tháng 2 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		718.668.290.471	932.435.161.773
110	I. Tiền	4	33.647.644.181	21.642.694.837
111	1. Tiền		33.647.644.181	21.642.694.837
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		341.518.987.780	374.163.475.042
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	23.700.152.082	104.552.343.087
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	229.542.758.786	186.008.276.343
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	63.220.066.243	69.315.831.243
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	38.717.905.251	21.489.345.134
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.3	(13.661.894.582)	(7.202.320.765)
140	III. Hàng tồn kho	8	316.319.530.707	535.870.922.152
141	1. Hàng tồn kho		316.319.530.707	535.870.922.152
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		27.182.127.803	758.069.742
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	27.182.127.803	758.069.742
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.570.323.185.502	1.588.106.014.917
220	I. Tài sản cố định		1.338.352.889.341	1.370.010.392.871
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.320.724.029.903	1.352.115.090.143
222	Nguyên giá		2.617.509.874.785	2.623.398.045.761
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.296.785.844.882)	(1.271.282.955.618)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.628.859.438	17.895.302.728
228	Nguyên giá		27.162.779.249	27.162.779.249
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.533.919.811)	(9.267.476.521)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		88.574.219.802	57.909.347.582
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	88.574.219.802	57.909.347.582
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	113.856.060.621	123.181.921.223
251	1. Đầu tư vào công ty con		94.506.593.886	94.506.593.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		36.500.000.000	47.033.790.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(32.401.679.065)	(33.609.608.463)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		29.540.015.738	37.004.353.241
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	26.848.553.697	34.312.891.200
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		2.691.462.041	2.691.462.041
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.288.991.475.973	2.520.541.176.690

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		703.663.195.127	920.003.773.532
310	I. Nợ ngắn hạn		588.604.619.539	788.619.680.194
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	29.152.784.977	57.053.332.078
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	4.359.432.885	101.095.446.250
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.503.938.379	6.600.756.027
314	4. Phải trả người lao động	16	6.964.123.655	6.321.754.336
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	33.340.619.412	16.991.123.468
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	37.512.611.172	10.813.025.694
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	429.579.970.445	568.172.817.788
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	29.191.138.614	21.571.424.553
330	II. Nợ dài hạn		115.058.575.588	131.384.093.338
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	16.850.591.150	16.720.591.150
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	37.940.000.000	56.830.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	60.267.984.438	57.833.502.188
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.585.328.280.846	1.600.537.403.158
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.537.248.898.697	1.556.556.598.749
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		562.164.076.532	551.866.229.432
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		94.908.410.381	124.513.957.533
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		31.670.330.497	37.342.180.229
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		63.238.079.884	87.171.777.304
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		48.079.382.149	43.980.804.409
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	9.438.896.593	3.909.335.593
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22.2	38.640.485.556	40.071.468.816
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.288.991.475.973	2.520.541.176.690

Handwritten signature

Handwritten signature



Người lập
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017

11/02/2017 11:02 AM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	690.734.220.223	665.227.241.728
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	1.824.723.232	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	688.909.496.991	665.227.241.728
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	559.337.293.591	570.263.247.947
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		129.572.203.400	94.963.993.781
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	6.655.314.833	4.159.871.287
22	7. Chi phí tài chính	26	15.288.168.306	22.774.321.018
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		16.034.860.916	18.217.046.318
25	8. Chi phí bán hàng	27	10.819.180.048	18.843.154.912
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	32.491.705.168	20.741.104.872
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		77.628.464.711	36.765.284.266
31	11. Thu nhập khác	28	968.831.085	1.065.467.262
32	12. Chi phí khác	28	3.046.185.303	4.611.386.055
40	13. Lỗ khác [40 = 31 - 32]	28	(2.077.354.218)	(3.545.918.793)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		75.551.110.493	33.219.365.473
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	12.313.030.609	7.214.222.804
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		63.238.079.884	26.005.142.669







Người lập
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		75.551.110.493	33.219.365.473
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		42.317.821.176	27.281.796.378
03	Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)		5.251.644.419	(560.137.203)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(169.391.667)	-
05	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.454.716.951)	1.189.081.147
06	Chi phí lãi vay	26	16.034.860.916	18.217.046.318
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		131.531.328.386	79.347.152.113
09	Giảm các khoản phải thu		29.436.995.098	41.014.971.008
10	Giảm hàng tồn kho		219.551.391.445	246.007.561.683
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(134.138.546.327)	7.014.065.252
12	Tăng chi phí trả trước		(18.959.720.558)	(33.625.435.508)
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.974.185.289)	(17.303.682.214)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.097.216.462)	(4.757.818.588)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.219.160.000	4.990.750.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.367.732.039)	(1.797.099.978)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		208.201.474.254	320.890.463.768
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(17.752.777.047)	(111.877.589.486)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.444.992.000)	(5.671.540.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		29.540.757.000	7.076.047.213
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(91.277.782.750)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.890.500.000	4.125.983.426
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.052.834.480	2.835.811.729
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		3.286.322.433	(194.789.069.868)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		434.407.954.454	599.066.116.491
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(591.890.801.797)	(718.508.873.171)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(42.000.000.000)	(10.281.087.819)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(199.482.847.343)	(129.723.844.499)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		12.004.949.344	(3.622.450.599)
60	Tiền đầu kỳ		21.642.694.837	15.558.653.641
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	33.647.644.181	11.936.203.042

Người lập
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Số 16A, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 830 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 826).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 95,07% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 3. Theo đó, các hoạt động sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

3006
RN
V
C
14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (i)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (i)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	56,61%	56,61%	Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
7	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn (ii)	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các công ty này đang trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- (ii) Đây là công ty TNHH Một thành viên do Công ty sở hữu 100% vốn góp và được thành lập để thực hiện các hoạt động trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Công ty này chưa thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong kỳ tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào ngày 13 tháng 2 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm sau.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2-0
TY
H
YO
VAN
AN
OI
-1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí tiền thuê đất; và
- ▶ Các chi phí khác

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Quý phát triển khoa học và công nghệ*

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính (“Thông tư 15”) và Thông tư 105/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư 15. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quý phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.14 *Nguồn kinh phí sự nghiệp*

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

31
CỔ
T
ST
TỔ
H
H
K/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

02
G T
JH
& Y
F N
HÁ
NỘ
M -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tiền mặt	728.587.691	1.234.039.973
Tiền gửi ngân hàng	32.919.056.490	20.408.654.864
	<u>33.647.644.181</u>	<u>21.642.694.837</u>

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
Cần trừ khoản trả trước cho người bán với phải trả do mua cổ phần	-	4.500.000.000
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	434.407.954.454	599.066.116.491
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(591.890.801.797)	(718.508.873.171)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	13.676.472.782	101.520.810.087
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	-	8.925.000.000
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	-	77.151.112.500
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lam Kinh	3.442.100.750	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.234.372.032	15.444.697.587
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	10.023.679.300	3.031.533.000
TỔNG CỘNG	23.700.152.082	104.552.343.087
Dự phòng	(4.275.834.276)	(2.950.290.612)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Trả trước cho người bán ngắn hạn	140.585.778.789	114.740.925.291
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân	92.418.297.677	87.241.876.087
Trả trước cho người bán khác	48.167.481.112	27.499.049.204
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	88.956.979.997	71.267.351.052
TỔNG CỘNG	229.542.758.786	186.008.276.343
Dự phòng	(882.000.000)	-

5.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số đầu kỳ	7.202.320.765	1.296.067.138
Tăng do sáp nhập công ty con	-	129.327.265
Dự phòng trích lập trong kỳ	6.459.573.817	5.776.926.362
Số cuối kỳ	13.661.894.582	7.202.320.765
Trong đó:		
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	4.275.834.276	2.950.290.612
Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)	882.000.000	-
Dự phòng các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)	8.504.060.306	4.252.030.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn dưới 1 năm cho Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con của Công ty, với mức lãi suất 5,5%/năm để phục vụ việc sản xuất phân bón cung cấp cho vùng nguyên liệu. Khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty, Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và các hộ nông dân trồng mía.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Văn Sơn	18.058.259.977	-	-	-
Cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(4.252.030.153)
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	6.000.000.000	-	-	-
Phải thu lãi cho vay	2.076.378.686	-	-	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.878.312.000	-	11.552.641.754	-
Tạm ứng cho công nhân viên	1.684.334.262	-	1.003.467.995	-
Các khoản phải thu công nhân viên	253.776.220	-	276.395.020	-
Phải thu khác	262.783.800	-	152.780.059	-
	38.717.905.251	(8.504.060.306)	21.489.345.134	(4.252.030.153)
Trong đó:				
<i>Phải thu khác</i>	10.079.206.282		12.985.284.828	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	28.638.698.969		8.504.060.306	

(*) Đây là giá trị góp vốn chuyển cho một doanh nghiệp đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo đó, Công ty sẽ nhận lại toàn bộ khoản góp vốn này vào ngày 15 tháng 2 năm 2017, là ngày đáo hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh này, mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này với tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ vốn góp.

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	228.931.530.442	-	412.479.144.318	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	40.020.872.616	-	31.858.724.911	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.581.171.765	-	15.224.824.086	-
Công cụ, dụng cụ	867.753.992	-	1.163.774.166	-
Hàng hóa	4.918.201.892	-	75.144.454.671	-
TỔNG CỘNG	316.319.530.707	-	535.870.922.152	-

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	573.175.717.361	1.966.054.390.976	60.938.257.677	22.696.289.747	533.390.000	2.623.398.045.761
- Mua trong kỳ	2.870.849.453	2.664.808.350	480.454.545	41.060.000	-	6.057.172.348
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.648.221.548	681.129.001	-	-	-	8.329.350.549
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(23.511.859.090)	-	-	-	(23.511.859.090)
- Phân loại lại	3.171.461.587	(945.677.348)	(1.502.299.967)	(723.484.272)	-	-
- Tăng khác	3.237.165.217	-	-	-	-	3.237.165.217
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	590.103.415.166	1.944.942.791.889	59.916.412.255	22.013.865.475	533.390.000	2.617.509.874.785
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	199.846.663.329	545.040.805.217	39.124.900.804	18.088.679.594	-	802.101.048.944
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	210.767.394.360	986.472.458.436	52.850.193.846	20.968.142.163	224.766.813	1.271.282.955.618
- Khấu hao trong kỳ	11.548.857.069	31.393.211.276	1.522.709.365	201.146.729	25.184.700	44.691.109.139
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(19.188.219.875)	-	-	-	(19.188.219.875)
- Phân loại lại	2.379.473.689	(684.016.015)	(1.502.299.967)	(193.157.707)	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	224.695.725.118	997.993.433.822	52.870.603.244	20.976.131.185	249.951.513	1.296.785.844.882
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	362.408.323.001	979.581.932.540	8.088.063.831	1.728.147.584	308.623.187	1.352.115.090.143
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	365.407.690.048	946.949.358.067	7.045.809.011	1.037.734.290	283.438.487	1.320.724.029.903

(*) Đây là nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế của một số máy móc, thiết bị của Nhà máy đường số 1 được chuyển nhượng trong kỳ cho Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công, một công ty con của Công ty.

Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Trung tâm Công nghệ cao và một phần dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy đường số 2 làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa như được trình bày tại Thuyết minh số 18.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.817.702.014	13.157.797.517	9.187.279.718	27.162.779.249
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.817.702.014	13.157.797.517	9.187.279.718	27.162.779.249
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	468.330.818	8.799.145.703	9.267.476.521
- Hao mòn trong kỳ	-	94.866.406	171.576.884	266.443.290
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	563.197.224	8.970.722.587	9.533.919.811
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.817.702.014	12.689.466.699	388.134.015	17.895.302.728
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.817.702.014	12.594.600.293	216.557.131	17.628.859.438

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Dự án Văn phòng làm việc, nhà ở (*)	21.084.077.986	21.084.077.986
Dự án Nhà lưới Sao Vàng (**)	23.371.914.406	-
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	36.551.030.452	31.451.859.237
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	7.509.318.795	5.343.861.981
Các dự án khác	57.878.163	29.548.378
TỔNG CỘNG	88.574.219.802	57.909.347.582

(*) Dự án Văn phòng làm việc, nhà ở chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của dự án văn phòng làm việc khu Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

(**) Dự án Nhà lưới Sao Vàng bao gồm giá trị máy móc, thiết bị và một số chi phí đầu tư xây dựng nhà lưới phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại thị trấn Sao Vàng, huyện Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	0%	46,31%
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38,39%	38,39%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32%	32%

(i) Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800115518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 3 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại số 25A đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh và kinh doanh nhà kho, bến bãi. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ cổ phần được đầu tư tại đơn vị này.

(ii) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 32% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Chi phí kiểm tra, bảo trì, sửa chữa	22.016.199.510	-
Chi phí nguyên vật liệu	290.748.082	-
Chi phí trả trước tại Trung tâm công nghệ cao	340.426.273	93.064.743
Công cụ, dụng cụ	440.178.862	-
Chi phí khác	4.094.575.076	665.004.999
	27.182.127.803	758.069.742
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	21.088.197.587	20.601.289.786
Dự án tưới nước nhỏ giọt	-	3.237.165.219
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.988.325.108	5.754.613.076
Chi phí Dự án trồng mía giống tại Trung tâm Công nghệ cao	2.358.553.742	3.000.664.011
Chi phí trả trước khác	413.477.260	1.719.159.108
	26.848.553.697	34.312.891.200
TỔNG CỘNG	54.030.681.500	35.070.960.942

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	29.152.784.977	29.152.784.977	36.084.624.888	36.084.624.888
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	-	20.968.707.190	20.968.707.190
TỔNG CỘNG	29.152.784.977	29.152.784.977	57.053.332.078	57.053.332.078

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.815.732.885	19.602.376.250
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lam Kinh	-	13.284.404.250
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	3.815.732.885	6.317.972.000
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	543.700.000	81.493.070.000
TỔNG CỘNG	4.359.432.885	101.095.446.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.145.732.504	30.758.048.094	(27.110.196.734)	4.793.583.864
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.180.324.850	12.313.030.609	(5.097.216.462)	12.396.138.997
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.147.461.019	(314.463.606)	832.997.413
Các loại thuế khác	274.698.673	1.705.793.387	(1.499.273.955)	481.218.105
TỔNG CỘNG	<u>6.600.756.027</u>	<u>45.924.333.109</u>	<u>(34.021.150.757)</u>	<u>18.503.938.379</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí xây dựng Dự án Trung tâm Công nghệ cao	6.262.250.028	6.136.942.545
Chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu và vận chuyển mía	23.071.661.025	4.119.660.543
Chi phí lãi vay	1.121.330.674	2.060.655.047
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu mía	217.742.667	763.984.339
Các khoản chi phí phải trả khác	2.667.635.018	3.909.880.994
TỔNG CỘNG	<u>33.340.619.412</u>	<u>16.991.123.468</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả công ty con do điều chuyển tài sản cố định	4.983.000.443	4.983.000.443
Kinh phí công đoàn	1.337.105.301	1.403.493.837
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	145.273.681	1.329.061.412
Cổ tức phải trả	28.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	3.047.231.747	3.097.470.002
	<u>37.512.611.172</u>	<u>10.813.025.694</u>
<i>Dài hạn</i>		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	7.720.591.150	7.720.591.150
Phải trả tiền mua cổ phần	7.900.000.000	7.900.000.000
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động	1.230.000.000	1.100.000.000
	<u>16.850.591.150</u>	<u>16.720.591.150</u>
TỔNG CỘNG	<u>54.363.202.322</u>	<u>27.533.616.844</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>41.480.201.879</i>	<i>14.650.616.401</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>4.983.000.443</i>	<i>4.983.000.443</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>7.900.000.000</i>	<i>7.900.000.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Trong kỳ		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	527.412.817.788	527.412.817.788	434.057.954.454	(573.000.801.797)	388.469.970.445	388.469.970.445
Vay ngắn hạn đối tượng khác (*)	980.000.000	980.000.000	-	-	980.000.000	980.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	37.780.000.000	37.780.000.000	18.890.000.000	(18.890.000.000)	37.780.000.000	37.780.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	350.000.000	-	2.350.000.000	2.350.000.000
	568.172.817.788	568.172.817.788	453.297.954.454	(591.890.801.797)	429.579.970.445	429.579.970.445
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	56.830.000.000	56.830.000.000	-	(18.890.000.000)	37.940.000.000	37.940.000.000
	56.830.000.000	56.830.000.000	-	(18.890.000.000)	37.940.000.000	37.940.000.000
TỔNG CỘNG	625.002.817.788	625.002.817.788	453.297.954.454	(610.780.801.797)	467.519.970.445	467.519.970.445

(*) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Quỹ khuyến học của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn căn cứ theo hợp đồng vay ngày 17 tháng 10 năm 2013 và hợp đồng vay ngày 4 tháng 11 năm 2014 với số tiền tương ứng là 800 triệu đồng và 180 triệu đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất 6,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 9 năm 2017. Lãi vay được trả tại ngày đáo hạn của khoản vay.

(**) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 12 năm 2011). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2017 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	322.911.970.845	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 10 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 27 tháng 10 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,2% - 8,0%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	39.746.999.600	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 11 tháng 4 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	24.811.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 5 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5% - 7%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa	1.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 4 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
	388.469.970.445			

18.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa	75.720.000.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 12 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 28 tháng 1 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu là 7,7%/năm. Từ tháng thứ 7, lãi vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng	Toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án Trung tâm Công nghệ cao và hệ thống tuabin thuộc Nhà máy đường số 2
	75.720.000.000			
Trong đó				
Vay dài hạn đến hạn trả	37.780.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	21.571.424.553	69.316.517.197
Điều chuyển sang Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	(42.164.074.443)
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 21)	10.297.847.100	-
Giảm khác	-	(1.644.693.437)
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.678.133.039)	(1.955.215.464)
Số cuối kỳ	<u>29.191.138.614</u>	<u>23.552.533.853</u>

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	57.833.502.188	53.586.790.173
Trích lập quỹ trong kỳ	3.643.230.243	-
Nhận bàn giao quỹ KHCN từ Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	-	1.006.666.850
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.208.747.993)	(947.269.888)
Số cuối kỳ	<u>60.267.984.438</u>	<u>53.646.187.135</u>
<i>Trong đó:</i>		
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19.721.560.671	10.750.377.135
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	40.546.423.767	42.895.810.000

2016-C
 Y
 DUNG
 M
 JH
 P.H.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	700.000.000.000	180.176.411.784	565.360.841.491	33.808.664.274	1.479.345.917.549
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	26.005.142.669	26.005.142.669
- Hoàn nhập lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	(13.494.612.059)	13.494.612.059	-
- Chia cổ tức còn lại của năm 2014	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
- Tăng khác	-	-	-	111.332.004	111.332.004
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>551.866.229.432</u>	<u>62.919.751.006</u>	<u>1.494.962.392.222</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	180.176.411.784	551.866.229.432	124.513.957.533	1.556.556.598.749
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	63.238.079.884	63.238.079.884
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	10.297.847.100	(10.297.847.100)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(10.297.847.100)	(10.297.847.100)
- Thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(2.234.355.000)	(2.234.355.000)
- Giảm khác khác	-	-	-	(13.577.836)	(13.577.836)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>562.164.076.532</u>	<u>94.908.410.381</u>	<u>1.537.248.898.697</u>

(*) Việc chia cổ tức và các khoản phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 19 tháng 10 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016			Ngày 30 tháng 6 năm 2016		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
TỔNG CỘNG	880.176.411.784	880.176.411.784	-	880.176.411.784	880.176.411.784	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Vốn cổ phần đã góp	
Số đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>700.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2014 - 2015: 10.000 VND).

21.4 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015/2016	70.000.000.000	-
Cổ tức cho năm 2014	-	10.500.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả	-	-

22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

22.1 Nguồn kinh phí

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	3.909.335.593	549.973.593
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	6.219.160.000	4.596.550.000
Chi sự nghiệp	(689.599.000)	(290.100.000)
Số cuối kỳ	<u>9.438.896.593</u>	<u>4.856.423.593</u>

22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	40.071.468.816	83.334.664
Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	42.164.074.443
Sử dụng quỹ	(1.430.983.260)	-
Giảm khác	-	(83.334.664)
Số cuối kỳ	<u>38.640.485.556</u>	<u>42.164.074.443</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. TÀI SẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) (*)	26.415.643.213	29.167.000.000
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.157	1.157
- Euro (EUR)	249	105

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là giá trị của 1.626 tấn đường được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tổng doanh thu	690.734.220.223	665.227.241.728
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	607.521.989.538	547.523.899.087
Doanh thu bán hàng hóa	81.513.361.905	117.401.988.095
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.698.868.780	301.354.546
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.824.723.232)	-
Hàng bán bị trả lại	(1.824.723.232)	-
Doanh thu thuần	688.909.496.991	665.227.241.728
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	605.697.266.306	547.523.899.087
Doanh thu bán hàng hóa	81.513.361.905	117.401.988.095
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.698.868.780	301.354.546
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	259.899.023.302	-
Doanh thu bán hàng cho các bên khác	429.010.473.689	665.227.241.728

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.129.213.166	3.824.507.066
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn	3.356.710.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	169.391.667	335.364.221
TỔNG CỘNG	6.655.314.833	4.159.871.287

081
 CÔNG
 T
 :NST
 VIỆ
 CHI
 H
 V KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	478.500.290.796	455.059.963.202
Giá vốn của hàng hóa đã bán	78.944.578.943	114.974.985.847
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.892.423.852	228.298.898
TỔNG CỘNG	<u>559.337.293.591</u>	<u>570.263.247.947</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	16.034.860.916	18.217.046.318
Lỗ do sáp nhập công ty con	-	5.013.588.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá	303.666.290	43.823.690
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1.207.929.398)	(500.137.203)
Chi phí tài chính khác	157.570.498	-
TỔNG CỘNG	<u>15.288.168.306</u>	<u>22.774.321.018</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	3.563.635.146	3.258.889.082
Chi phí vận chuyển	181.587.727	11.501.839.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.357.124.207	2.171.941.294
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	776.997.296	758.603.353
Chi phí bán hàng khác	3.939.835.672	1.151.881.492
	<u>10.819.180.048</u>	<u>18.843.154.912</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	7.319.681.742	7.025.898.302
Trích lập quỹ Khoa học Công nghệ trong kỳ	3.643.230.243	-
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.210.469.017	2.760.492.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.166.485.194	8.136.436.295
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.151.838.972	2.818.278.230
	<u>32.491.705.168</u>	<u>20.741.104.872</u>
TỔNG CỘNG	<u>43.310.885.216</u>	<u>39.584.259.784</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thu nhập khác	968.831.085	1.065.467.262
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	-	1.027.380.000
Lãi thanh lý tài sản cố định	968.793.785	-
Thu nhập khác	37.300	38.087.262
Chi phí khác	3.046.185.303	4.611.386.055
Phạt vi phạm hành chính	259.243.727	1.086.733.192
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	2.323.014.260	3.434.868.697
Chi phí khác	463.927.316	89.784.166
LỖ KHÁC THUẦN	<u>(2.077.354.218)</u>	<u>(3.545.918.793)</u>

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	277.961.198.776	265.719.123.005
Chi phí nhân công	18.363.404.779	16.718.870.105
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	39.994.806.916	23.870.019.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.321.704.852	22.218.629.778
Chi phí khác	18.871.218.344	10.401.758.297
TỔNG CỘNG	<u>366.512.333.667</u>	<u>338.928.400.237</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 676/CT-TTHT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa kể từ năm tài chính 2015 trở đi. Công ty cũng được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Xí nghiệp Cơ giới. Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, thuế suất thuế TNDN là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.551.110.493	33.219.365.473
Thuế TNDN theo các thuế suất áp dụng cho Công ty	11.660.353.472	7.308.260.404
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản phạt	51.848.745	239.081.302
Chi phí khấu hao vượt mức quy định hiện hành	53.492.250	36.841.476
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy cồn và nhà máy đường số 1)	464.602.853	751.079.896
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	23.400.000	31.680.000
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	320.754.335	-
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	-	86.604
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	(33.878.333)	-
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do chênh lệch tạm thời của những kì trước	(227.542.713)	(1.152.806.878)
Chi phí thuế TNDN	12.313.030.609	7.214.222.804



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tổng Công ty Mía đường I	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Bán đường Nhận tạm ứng phí gia công đường luyện Mua đường thô	14.251.332.536 - -	- 7.012.500.000 29.571.363.636
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Mua cổ phần	-	16.725.503.674
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	11.069.230.662	4.813.767.825
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Mua nguyên vật liệu Sử dụng dịch vụ	23.042.578.260 3.885.611.236	8.813.192.400 1.733.261.172
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Mua phân bón Cho vay ngắn hạn Thu hồi gốc vay Lãi vay phải thu	1.012.351.000 23.444.992.000 29.540.757.000 2.076.378.686	- 5.671.540.000 7.076.047.213 1.992.198.125
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	1.539.106.147	345.126.844
Công ty TNHH Cơ giới Nông Nghiệp Lam Sơn	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	-	3.025.737.358
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty con	Mua đường Bán tài sản cố định	6.798.900.000 7.102.076.300	- -
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	245.647.690.766	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền sản xuất	11.939.713.406	4.469.285.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 5.712.831.653 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</i>				
Công ty Cổ phần mía đường Nông Công	Công ty con	Bán thành phẩm Bán tài sản cố định	- 7.102.076.300	109.930.000 -
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Cho vay không lãi suất	2.921.603.000	2.921.603.000
			10.023.679.300	3.031.533.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền sản xuất	11.939.713.406	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	1.942.837.201	6.074.602.235
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền sản xuất	-	5.404.702.573
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	7.938.689.194	25.973.854.303
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	15.953.637.696	1.447.973.291
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần mía đường Nông Công	Công ty con	Tạm ứng tiền mua đường	50.300.102.500	31.484.218.650
			88.956.979.997	71.267.351.052



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	63.220.066.243	69.315.831.243
			63.220.066.243	69.315.831.243
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Phải thu tiền cấp vốn thực hiện dự án	18.058.259.977	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	2.076.378.686	-
			28.638.698.969	8.504.060.306
<i>Phải trả ngắn hạn người bán (Thuyết minh số 14.1)</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả chi phí dịch vụ	-	10.705.957.070
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty con	Phải trả chi phí dịch vụ	-	10.262.750.120
			-	20.968.707.190
<i>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 14.2)</i>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	543.700.000	79.214.670.000
Tổng Công ty Mía đường I	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Trả trước tiền mua đường	-	2.278.400.000
			543.700.000	81.493.070.000

BỘ
CỔ
T
ST
/IẾ
HI
HÀ
KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về điều chuyển Nhà máy gạch	4.983.000.443	4.983.000.443
			4.983.000.443	4.983.000.443
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về mua cổ phần	7.900.000.000	7.900.000.000
			7.900.000.000	7.900.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lương và thưởng	2.190.062.246	1.555.297.281
TỔNG CỘNG	2.190.062.246	1.555.297.281

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 95,07% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG


Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có cam kết khoảng 25,8 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.


12/11
 G T
 HH
 Y
 NA
 HAI
 NỘI
 17

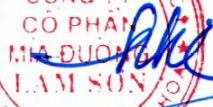
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

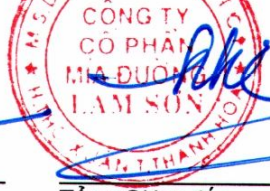

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Người lập
Đỗ Đình Dũng


Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ


Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017